

PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NGHỆ THUẬT VIỆT NAM THỜI LÝ - TRẦN

NGUYỄN THỊ THANH HẢO^(*)

Với khoảng thời gian gần 400 năm, nhà Lý và nhà Trần đã để lại những dấu ấn độc đáo trong văn hóa dân tộc gắn với quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân Đại Việt. Nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của thời Lý - Trần còn được truyền lại cho đến hôm nay. Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần và những ảnh hưởng tích cực của nó đến các loại hình văn hóa nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật hội họa, điêu khắc và kiến trúc là một trong những thành tựu, giá trị văn hóa đặc sắc ấy.

So với văn học, mỹ thuật Phật giáo được thể hiện rõ nét hơn vì gắn liền với các đề tài tôn giáo cụ thể. Điều này được thể hiện rất rõ trong hội họa, kiến trúc cũng như điêu khắc. Những di tích nổi tiếng thời Lý - Trần đã cho thấy truyền thống sáng tạo lâu đời của nhân dân với những công trình nghệ thuật có quy mô lớn. Cùng với việc xây dựng kinh đô Thăng Long, nhiều ngôi chùa, ngọn tháp hay tượng Đức Phật, v.v... được triều đình và nhân dân khởi tạo ở các địa phương.

Khi nói đến mỹ thuật, chúng ta thường nói tới hội họa, kiến trúc và điêu khắc. Ba loại hình nghệ thuật này gắn liền với nhau, cùng tồn tại và phát triển. "Một kiến trúc đẹp không thể không có trang trí điểm xuyết phụ họa thêm"⁽¹⁾. Hội họa lại dường như mở ra kiến trúc. Điêu khắc

thổi hồn cho kiến trúc, cùng trang trí mang lại giá trị văn hóa cho mỹ thuật. Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu trong giới sử học và mỹ thuật, mỹ thuật thời Lý - Trần góp phần to lớn để sáng tạo ra giá trị văn hóa Việt Nam.

1. Phật giáo với hội họa

Hội họa Phật giáo được nhiều thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc ghi chép ở nhiều phương diện như chùa tháp và tranh nhà Phật hay cung điện, thuyền rồng hoặc đồ gốm vẽ hoa, v.v... Mỗi loại hình nghệ thuật qua mỗi thời đại và quốc gia đều có sự thay đổi khác nhau. Tìm hiểu về hội họa Phật giáo cho đến nay còn sơ sài bởi các tác phẩm hội họa Phật giáo bị mai một và thất lạc, không lưu giữ được nhiều.

Nghệ thuật hội họa Phật giáo tập trung ở chủ đề miêu tả Phật tượng, Tổ sư, về sau phát triển và mượn ngoại cảnh để biểu hiện nội tâm. Từ những bức phù điêu, chạm khắc, tranh tường, v.v... Ở các ngôi chùa, các nhà nghiên cứu nhận định giai đoạn đầu là những nét vẽ của các nghệ nhân lên mặt phẳng trước khi dùng dao đục chạm khắc để tạo thành các hình sóng nước, rồng phượng, hoa lá, v.v... Bên

*. ThS., Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Phật giáo và văn hóa dân tộc*, Thư viện Phật học, Hà Nội, 1989, tr. 158.

cạnh đường nét trang trí, mặt thứ hai của nghệ thuật hội họa là sự vận dụng màu sắc. Thời kì đầu, màu đỏ của thổ hoàng được sử dụng là chính, về sau, màu sắc trên tranh đã phong phú nhiều, chủ yếu là đỏ sẫm, lục, lam và đen.

Các chùa thường dùng tranh vẽ để trang trí và khuyên răn Phật tử. Chùa Phật Tích có “cung sơn điện vẽ san sát trong núi” có “cung Quảng vẽ họa nhi hồng”, có “góc cao vẽ sao ngư và sao đầu sáng láng” chủ yếu để trang trí. Quanh tường chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn (Thanh Hoá) “thêu vẽ dung nghi đẹp dẽ của cực quả mười phương cùng với mọi hình tướng biến hóa muôn hình vạn tượng không thể kể xiết”⁽²⁾ mang ý nghĩa giáo dục. Đoàn Văn Chúc dịch từ tạp chí *Etudes Vietnamiennes* cho biết hội La Hán ở Long Trì năm 1040 ngoài 1000 tượng Bụt đã được khánh thành với 100 bức tranh Bụt⁽³⁾.

Dựa vào sử liệu và thực tế, có thể chia tranh Phật giáo thời Lý - Trần ra thành 4 loại: tranh chạm khắc, tranh minh họa, tranh tường và tranh chữ.

Các bức *tranh chạm khắc* trên đá, trên gỗ đã ghi lại sự có mặt của hội họa từ thời Lý - Trần tới nay. Trang trí ở đây ngoài cái đẹp về mặt thẩm mỹ còn có ý nghĩa chuyển tải những lời răn dạy của Đức Phật về cách sống, cách tu tập, về các nghi lễ, v.v... Có thể kể đến tranh chạm gỗ *Người chim dây hoa* ở chùa Thái Lạc; những hình chạm nổi người múa và biểu diễn nhạc cụ trên mặt phẳng của đá thể hiện sự sôi nổi mà vẫn trang nghiêm của điệu múa *Lục cúng* rất quan trọng trong nghi lễ Phật giáo; nhóm nhạc công đánh đàn và *Vũ điệu dâng hoa* rất sinh động ở chùa Thái Lạc; tranh chạm trên mặt lan can, hành lang hồ Linh Chiếu và Bích Trì

thuộc chùa Một Cột; những bức tranh vẽ được tạc lại trên gỗ, trên đá mà hiện nay ta còn thấy rất nhiều ở các ngôi chùa cổ.

Trong tất cả các kinh tạng Phật giáo, phân minh họa trong Kinh không thể thiếu. *Tranh minh họa* được in trên giấy gió thường là tranh đen trắng. Ở các bản kinh cổ in trên giấy gió bao giờ cũng có những hình tranh minh họa. Có khi là để minh họa Kinh bằng tranh cho người đọc dễ hiểu. Có khi là những bức tranh các vị Phật hoặc Phật Tam Thế (12 vị Kim Cương trong Kinh Kim Cương). Thậm chí còn có nhiều cuốn tranh dạy người xem cách tu tập và hiểu sâu nghĩa của phép tu. Qua những hình ảnh tranh vẽ của cuốn sách, các Phật tử có thể hiểu được ý nghĩa cao sâu của lời Phật một cách dễ dàng.

Tranh tường là một phần không thể thiếu vắng trong mỹ thuật Phật giáo. Cùng với kiến trúc, điêu khắc, tranh tường trong hội họa đã dựng lên thế giới của Phật giáo. Những người họa sĩ Phật tử khi vẽ tranh tường cũng phải đã từng học và hiểu nội dung của kinh Phật, hiểu được sự hình thành, quá trình tu tập và hoàng pháp của Đức Phật, thông qua các tác phẩm hội họa của mình đem đến cho người xem những điều đã lĩnh hội được.

Các nghệ sĩ Phật tử đã đưa thiên nhiên tươi đẹp, những hình ảnh gắn liền với cuộc sống hằng ngày, các tạng kinh điển của nhà Phật vào các tranh trang trí trong chùa. Mái chùa cổ kính giữa khung cảnh núi non tĩnh mịch hay các lễ hội viếng chùa đầu xuân hoặc tư tưởng độc đáo của Triết học, của thiên họa Phật

2. Đoàn Văn Chúc. *Văn hóa học*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 273.

3. Đoàn Văn Chúc. *Văn hóa học*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 390.

giáo cũng luôn là đề tài, là nguồn cảm hứng cho nghệ nhân, cho người họa sĩ.

“*Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi*”, sự phối hợp giữa hội họa và viết chữ đẹp cũng đã trở thành một biểu hiện nghệ thuật của *tranh chữ*. Chữ Hán với bố cục khối vuông, được viết đẹp cũng là những bức “thư họa”. Thư tịch cho biết vua Lý Nhân Tông, ham chuộng văn hóa, mở đầu nền giáo dục khoa cử và tổ chức khoa thi năm 1075 “*viết bút lông rất khéo, chữ như rồng múa phượng lượn, phép theo tay ngọc của ngài như chim loan vòng, chim thước nhảy*”, nhiều lần đi thăm các chùa và viết chữ ban cho để khắc vào bia. Năm 1071, Vua đã ngự viết chữ “Phật” dài 6 trượng 6 thước rồi cho khắc vào bia đá chùa núi Tiên Du. Theo các nhà nghiên cứu, nét của chữ “Phật” mềm mại, có chỗ mở rộng, có chỗ thu lại dần dần, có chỗ cong duyên dáng, lại có chỗ phẩy đột ngột và mạnh mẽ đòi hỏi tay và mắt người viết phải luyện như tập vẽ mới để lại cho hậu thế một tác phẩm chữ “Phật” phóng khoáng được.

Đề tài hoa sen xuất hiện khá sớm trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Có tác giả đã nhận xét hầu như ở thời nào đề tài này cũng có trong các đồ án trang trí nơi thờ tự hoặc ở các công trình văn hóa cộng đồng. Thời Lý - Trần cũng vậy, nói về hội họa thời Lý - Trần không thể không nhắc tới hoa sen trong trang trí. Sở dĩ, người ta cho rằng hoa sen gắn với đạo Phật, bởi trong hoa đã có quả tượng trưng cho ý nghĩa “nhân quả” của Phật pháp. Họa tiết hoa sen xuất hiện ở những tảng đá kê chân cột, nơi các diềm cửa vồng, có khi kết hợp cùng hoa cúc trong các đồ mỹ nghệ truyền thống, v.v... Hoa sen như một sự kết tinh giữa nghệ thuật với tính cách, với tâm hồn người Việt Nam. Tinh tế trong bố cục, khéo léo trong

kỹ thuật, giản dị trong thể hiện, “bác học” trong lựa chọn đề tài đã giúp mỹ thuật thời Lý đánh dấu cho một giai đoạn đỉnh cao của lịch sử mỹ thuật Việt Nam.

Không chỉ nhằm mục đích đơn thuần để trang trí cho kiến trúc hoặc các hiện vật nào đó, họa tiết trang trí còn là sự kết tinh những tầng bậc ý nghĩa của dân tộc. Hội họa thời Lý - Trần gắn với cuộc sống thường ngày trong việc ứng xử với cái đẹp của con người Đại Việt thời ấy. Chúng là những “chữ viết” chân thực về lịch sử, xã hội, là lời nhắn nhủ đầy tính mỹ triết của tổ tiên, là tiếng nói của tâm hồn, là ý niệm của cuộc sống, là khát vọng của muôn người, muôn đời.

Văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở Thanh Hóa có đoạn viết: “Cho đến tranh vẽ ở tường vôi, mọi duyên nhân quả, muôn nghìn biến hóa, hết nỗi diệu huyền,... có thể sánh với Vương Xá thành và An Dương giới vậy”⁽⁴⁾. Được so sánh với thành Rajagrha thuộc Ấn Độ và miền Cực Lạc trong tưởng tượng thì quả là hội họa Phật giáo đã có sự liên hệ khăng khít với thi ca. Trong các bức tranh, người xem dường như thấy thấp thoáng bóng dáng của những vần thơ. Tiếp cận với tranh, với họa tiết trong mỹ thuật thời Lý - Trần nói riêng cũng như với tranh, với họa tiết trong mỹ thuật nói chung là tiếp cận một khía cạnh cốt lõi về bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. Phật giáo với kiến trúc

Trong các loại hình nghệ thuật Phật giáo, nghệ thuật kiến trúc bao gồm rất nhiều hình thức, mỗi hình thức có nhiều cách thể hiện khác nhau. Xã hội Việt Nam trong mỗi giai đoạn có những thay

4. Lê Quý Đôn. *Toàn Việt thi lục - 1768* trong *Thơ văn đời Lý*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 302, 303.

đổi dẫn đến những thay đổi nhất định trong bộ mặt kiến trúc dân tộc. Kiến trúc Việt Nam phát triển mạnh trong thời kì thời Lý - Trần và chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Nhiều công trình kiến trúc tôn giáo còn lưu lại đến ngày nay là những di tích quý giá được xây dựng trong hai thời đại thịnh vượng của Phật giáo.

Khi Phật giáo vào Việt Nam đã mang theo các kiểu kiến trúc chùa, tháp, lầu chuông, gác trống theo mô hình kiến trúc của Ấn Độ, Miến Điện và Trung Hoa. Nói đến các công trình kiến trúc Phật giáo thời Lý - Trần, người ta thường nói đến tính quy mô bên cạnh kết cấu chắc chắn, cân đối, di liền với những vị trí đẹp, gắn bó con người và thiên nhiên, mang dáng dấp và thể hiện một cách rõ ràng dấu ấn của xã hội đương thời. Chùa, tháp thời Lý chỉ còn lơ mờ một ít nền móng với một số mảng khối trau chuốt và đường nét tinh tế. Chùa, tháp thời Trần nhiều nơi còn khá nguyên vẹn, đặc biệt là bệ thờ và văn bia. Điều đó cho phép chúng ta nhận thấy dần dần đặc trưng chùa, tháp thời Trần.

Thành Thăng Long là một công trình xây dựng lớn trong các triều đại phong kiến gồm hai vòng, dài khoảng 25km. Ngay từ năm 1010, khi mới định đô, Lý Thái Tổ đã khởi công xây dựng Hoàng thành và hàng loạt cung điện. Năm 1029, toàn bộ khu cấm thành được xây dựng lại. Trên nền cũ điện Càn Nguyên, Lý Thái Tông cho dựng điện Thiên An làm nơi thiết triều. Năm 1203, vua Lý Cao Tông bắt đầu một đợt xây dựng mới. Ngoài cung điện, các vị vua nhà Lý còn cho xây dựng nhiều công trình văn hóa tín ngưỡng khác để phục vụ cho vua và hoàng tộc như đền Quán Thánh, chùa

Chân Giáo (nơi vua Lý Huệ Tông tu hành), đài Chúng Tiên.

Tháp thời Lý là đền thờ Phật giáo, trong lòng có pho tượng Phật như tháp Phật Tích, tháp Chương Sơn, tháp Tường Long, v.v... Riêng tháp chùa Báo Thiên với tên Đại Thắng Tư Thiên lại mang tư cách đài chiến thắng báo công với Trời. Tháp vốn từ kiến trúc trải rộng diễn biến thành kiến trúc cao tầng bình diện vuông, tầng dưới các cửa có tượng Kim Cương đứng trấn giữ. Các tầng càng lên cao càng thu nhỏ dần, theo những hình tháp in trên gạch. Tháp thời Trần chiều cao thường bằng chu vi chân tháp. Nền móng tháp phải vững chắc, xây tường dày, trong nền trộn đất sét với sỏi đá. Các tháp thờ Phật thường có số tầng lẻ biểu thị sự phát triển. Vật liệu xây tháp rất phong phú, tùy tháp mà thuần gạch, thuần đá hoặc xen kẽ gạch với đá, đồng và gốm men.

Nhà Lý rất coi trọng việc xây chùa. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép các vua đời Lý liên tục cho phép xây dựng chùa. Chùa Việt Nam không giống hoàn toàn chùa Trung Quốc. Chùa Trung Quốc là kiến trúc viện lạc gồm nhiều kiến trúc song song với những chiếc sân ngăn cách. Chùa Việt mô phỏng chùa hang Ấn Độ nên hình thành cấu trúc chuỗi vồ rất phổ biến trong các chùa làng. Về sau, Phật điện mở rộng thành kiến trúc chữ Công. Nếu có tường vây quanh sẽ thành dạng nội công ngoại quốc như chùa Chiêu Thiên (Chùa Láng) ở Hà Nội. Chùa chữ Tam bộc lộ ảnh hưởng chế độ viện lạc ở Trung Quốc như chùa Thiên Phúc (Chùa Thầy). Tuy nhiên, trong thực tế bố cục mặt bằng của một ngôi chùa không phải lúc nào cũng như vậy. Thời Lý dựng nhiều chùa nhưng đến nay một số ít chỉ

để lại nền móng (chùa Phật Tích, Chùa Dạm ở Bắc Ninh, chùa Bà Tấm ở Hà Nội, chùa Hương Lăng ở Hưng Yên, chùa Long Đọi ở Hà Nam, v.v...), số khác chỉ để lại di vật (Chùa Chèo ở Bắc Giang, chùa Kim Hoàng và Chùa Thầy ở Hà Nội, chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh ở Thanh Hóa). Chùa Một Cột (Hà Nội) đến thời Nguyễn đã làm lại thu nhỏ rất nhiều, chỉ có thể biết qua thư tịch và ý đồ kiểu thức kiến trúc.

Chùa Một Cột hay Chùa Mật (gọi theo Hán Việt là Nhất Trụ tự) còn có tên khác là chùa Diên Hựu hoặc Liên Hoa Đài (Đài Hoa Sen) là một ngôi chùa nằm phía Tây kinh thành Thăng Long xưa. Đây là ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất Việt Nam. Chùa được khởi công xây dựng vào mùa đông, tháng Mười âm lịch năm 1049, chỉ có một gian nằm trên một cột đá ở giữa hồ Linh Chiểu nhỏ có trồng hoa sen. Truyền thuyết kể lại rằng, chùa được xây dựng theo giấc mơ của vua Lý Thái Tông và gọi ý của nhà sư Thiên Tuệ. Năm 1049, vua Lý Thái Tông mơ thấy Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen. Tỉnh dậy, nhà vua kể lại cho bầy tôi và được nhà sư Thiên Tuệ khuyên dựng chùa, dựng cột đá, làm tòa sen của Phật Bà Quan Âm đặt trên cột như đã thấy trong mộng. Trong khung cảnh diễm lệ “chùa Một Cột với cột kèo, con tiện và cả hệ thống con sơn đỡ ngôi đình rực rỡ trong màu sơn đỏ thắm, màu vàng diệp âm áp, với những hình rồng bay phượng múa thường chỉ thêu ở những áo bào kim tuyến lộng lẫy”⁽⁵⁾, khiêm nhường mà độc đáo, kiểu kiến trúc như chùa Một Cột đúng là chỉ có một không hai. Đến năm 1105, vua Lý Nhân Tông cho sửa ngôi chùa và cho dựng trước sân hai tháp lợp sứ trắng. Năm 1108, Nguyên Phi Ý Lan sai đúc chuông rất to, nặng đến một vạn hai ngàn cân, đặt tên là Giác Thế Chung (quả chuông thức tỉnh người đời). Giác Thế Chung đúc xong nặng

quá không treo lên được, để dưới mặt đất thì đánh không kêu, đành bỏ chuông xuống một thửa ruộng sâu bên chùa Nhất Trụ, ruộng này có nhiều rùa, do đó có tên là La Quy Điền chuông.

Chùa thời Trần mang nhiều nét thanh tao, thoát tục. Dòng Mật tông và Tịnh Độ tông được người dân thường tiếp thu mạnh hơn cả về góc độ thờ Phật theo lối thế gian. Trong vòng 30 năm triều Trần, dân tộc ta đã ba lần chống xâm lược Nguyên - Mông. Rất nhiều công sự và thành lũy đã được dựng lên để chống giặc. Đến giai đoạn cuối, lại xảy ra hơn mười lần chiến tranh với Chiêm Thành. Nhiều công trình chùa, tháp đã bị tàn phá. Kiến trúc Phật giáo thời kỳ này chủ yếu là trùng tu hoặc xây dựng lại các công trình đã có từ thời trước. Một số trung tâm Phật giáo được mở mang xây dựng hoàn chỉnh như khu chùa tháp Yên Tử (Quảng Ninh). Các công trình khởi dựng thường có quy mô nhỏ như chùa tháp Phổ Minh (Nam Định), chùa Thái Lạc (Hưng Yên), chùa Bối Khê (Hà Nội), v.v... Chùa được xây dựng rải rác ở Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ nhưng tập trung nhất vẫn ở ven các triền sông vùng đồng bằng Bắc Bộ ngày nay. So với nhà Lý, phạm vi xây dựng chùa tháp thời Trần đã được mở rộng vào hướng Nam, đến Thanh Hóa, Nghệ An.

Thừa hưởng một nền kiến trúc đồ sộ thời Lý, kiến trúc thời Trần giai đoạn đầu mang những ảnh hưởng đặc trưng của kiến trúc thời Lý. Chùa tháp được xây dựng dưới sự chỉ đạo của triều đình. Phật được thờ trong một điện thờ riêng. Tháp trở lại tính chất là mộ chí của các nhà tu hành đạo Phật hoặc tháp kỉ niệm.

5. Ngô Huy Quỳnh. *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 127.

Các công trình kiến trúc Phật giáo thời Trần luôn gắn bó với môi trường, cảnh quan đẹp đẽ, vị trí thuận tiện với những bố cục trang trí tinh xảo và cân xứng, đồ sộ và uy nghiêm cũng để lại dấu ấn đáng tự hào trong lịch sử. Khác với sự tinh vi, trau chuốt trong nghệ thuật thời Lý, phong cách nghệ thuật giai đoạn này giản đơn, khỏe khoắn, như muốn thoát khỏi lễ nghi thể hiện trong từng đường nét kiến trúc.

Kiến trúc gỗ thời kì này đã có những bằng chứng khảo cổ tồn tại. Một số Phật điện và tháp thời Trần còn khá nguyên vẹn cho đến thời nay. Tuy nhiên, chiến tranh chống Phương Bắc và Phương Nam đã hạn chế sự phát triển của kiến trúc thời Trần và mang lại nhiều ảnh hưởng ít nhiều của nền kiến trúc ngoại lai trong các lối bố cục và hoa văn trang trí. Nhưng trên hết, những nét truyền thống dân tộc về cơ bản vẫn được bảo lưu nguyên vẹn trong nền kiến trúc thời Trần, đóng góp không nhỏ vào kho tàng kiến trúc của dân tộc.

Đến cuối thời Trần, chùa làng phát triển mạnh. Chùa gồm điện thờ Phật, sư Tổ, các phòng tăng, các tháp mộ ở hai bên và phía sau điện thờ. Kiến trúc chùa làng thường có kích thước khiêm nhường, quy mô lại vừa phải nên mang cảm giác ấm cúng và gần gũi với con người. Chùa lúc này đại đa số chỉ còn chức năng tu hành, rất ít nơi là hành cung cho vua ngự.

Kiến trúc thời Lý - Trần, nhờ vậy đã có được những cảm xúc nghệ thuật đặc sắc góp phần trong vốn văn hóa nghệ thuật hình thành dưới ảnh hưởng Phật giáo. Đi đôi với kiến trúc là những công trình tượng tròn và chạm khắc phong phú, đầy sáng tạo và đậm đà tính dân gian, đó là điêu khắc Phật giáo.

3. Phật giáo với điêu khắc

Điêu khắc Phật giáo thời Lý - Trần phát triển rất đa dạng với nhiều công trình mang đậm tính hoành tráng và sắc thái riêng của dân tộc. Dân gian còn lưu truyền nhiều truyền thuyết, giai thoại, thơ ca phản ánh về công lao của Thái hậu Ý Lan và vua Lý Nhân Tông cho xây dựng chùa Đại Lâm, chùa Trăm Gian, chùa Bà Tấm, v.v ... cũng như quy mô to lớn của Chùa Dạm.

Theo nhà điêu khắc Phan Văn Tiến, cột đá Chùa Dạm là công trình điêu khắc mở đầu cho nghệ thuật tượng đài hoành tráng Việt Nam, hội tụ những giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và đời sống tâm linh. Đây chính là một biến thể gần gũi các bệ thờ linga - yoni Champa đã được Việt hóa. Phiên bản cột Chùa Dạm trưng bày tại Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam từ năm 1973 đã trở thành một thành tố của không gian kiến trúc nơi đây, là một hiện vật tiêu biểu của nền mĩ thuật điêu khắc thời nhà Lý tại Bảo tàng.

Các di vật bằng đá và đất nung thời nhà Lý rất phong phú với nhiều đồ trang trí có điêu khắc người múa nhiều điệu múa khác nhau, có rồng trong nhiều kiểu bố cục ở đầu con sơn, chim thần với hình dáng gần gũi chim thần Garuda, biểu trưng cho lòng ngưỡng vọng đến chân lí và sức mạnh tinh thần, đáng chú ý là thành bậc lên xuống chạm sóng nước, tay vịn chạm người múa dâng hoa.

Gạch *Đại Việt quốc dân thành ở Trường Yên (Ninh Bình)* là loại gạch danh mặt, đỏ sẫm, vuông cạnh. Gạch "*Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo*" khổ 24 x 9 x 5cm năm 1057 được dùng trong xây tháp ở chùa Phật Tích. Trong đồ đất nung, gạch trang trí mặt tường chiếm vị trí quan trọng về mặt kĩ

thuật làm gạch cũng như về mặt nghệ thuật chạm trổ. Thế kỉ XI - XII, gạch được trang trí hình chạm nổi hay hình hoa cúc. Gạch chạm đầu rồng thời Lý - Trần được nung thành sành, trắng men.

Ngoài gạch xây và gạch trang trí rất phong phú về hình dạng và họa tiết, thời Lý - Trần đã nung những viên ngói hình mũi hài, dày và nặng. Ngói dày 1,5 - 2cm, cạnh dài 36,5 hoặc 41cm. Cùng với ngói là những tấm trang trí hình lá đề hay hình tròn ở đầu ngói ống và đầu máng chạm hình rồng.

Trong khu vực Hoàng thành, gần đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều đồ gốm sứ cao cấp thời Lý mang dấu ấn của điêu khắc Phật giáo trong hoa văn trang trí. Phát hiện có ý nghĩa lớn về gốm thời Lý trong Hoàng thành Thăng Long là nhóm đồ gốm men xanh lục. Đây là dòng gốm có màu men quyến rũ, được trang trí bởi các đề tài hoa lá, trong đó có những đồ tinh xảo trang trí hình rồng. Phát triển kế thừa trực tiếp từ gốm thời Lý, nên các loại gốm thời Trần cơ bản có phong cách giống với gốm thời Lý. Nét mới riêng biệt và rất đáng lưu ý về gốm thời Trần là sự xuất hiện dòng gốm hoa lam. Loại gốm này được tìm thấy khá nhiều trong các hố khai quật và phổ biến là bát, đĩa vẽ cảnh hoa cúc màu nâu sắt và xanh cobalt giống như những đồ gốm đã được xuất khẩu sang Đông Nam Á, Trung Đông và Nhật Bản vào khoảng giữa thế kỉ XIV.

Điêu khắc thời Lý tinh vi và cân đối, mang cái trung dung tĩnh tại và cái "hư không" của Phật giáo. Thoát khỏi ách nô lệ hàng ngàn năm, trong khung cảnh thái bình thịnh vượng các nghệ sĩ có thể đắm mình trong tôn giáo và triết học, tỉ mỉ tạc những pho tượng thể hiện cái

nhìn thoát tục. Thời kì này, nghệ thuật đúc chuông, tô tượng rất phát triển. Người Trung Quốc đã từng nói tới *An Nam tứ đại khí* là tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền (chùa Diên Hựu), vạc Phổ Minh (chùa Phổ Minh, Nam Định) và tượng Phật chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh).

Điêu khắc thời Trần mạnh mẽ, khái quát và quan tâm đến tính biến động của cấu trúc tổng thể hơn là hình mô tả. Hiện nay còn lại bệ tượng đá hoa sen hình hộp trên đặt tượng Tam Thế ở một số nơi như Chùa Thầy, chùa Bối Khê, chùa Dương Liễu. Các vì kèo gỗ để lại cũng cho thấy sự phong phú trong nghệ thuật chạm khắc của ông cha ta thời Trần. Một số chùa có bia đề cập tới tượng và chạm khắc trang trí thời kì này. Chùa Thái Lạc có ván bưng chạm khắc hình hai tiên nữ đầu người mình chim. Chùa Bối Khê có phượng hoàng châu nguyệt. Những trụ đỡ cũng được trang trí ở hai ngôi chùa này với các hình tiên nữ dập dờn trên sóng nước, tay giơ lên đỡ bệ sen, hay hình phỗng hoặc một đóa mẫu đơn. Hình tượng tiên nữ thường được chọn làm đề tài trang trí cho các bức ván nong, lúc thì thổi tiêu, kéo nhị hay thổi sáo đánh đàn. Có những bức chạm khắc nhạc công thổi sáo và chơi các nhạc cụ dân tộc.

Về tượng Phật, các chùa Phật Tích, Ngô Xá (Chương Sơn) và Kim Hoàng đều chỉ để lại mỗi chùa một pho tượng Phật. Chùa Thầy, Chùa Chèo và chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh không còn tượng nhưng còn bệ tượng và tòa sen thích hợp với một pho tượng Phật ngồi trên. Chùa Ngô Xá ở chân núi cũng có pho tượng Phật đưa từ phế tích tháp Chương Sơn ở đỉnh núi xuống, cấu tạo chung giống

như tượng chùa Phật Tích. Thư tịch nói rõ bốn cửa tháp chùa Báo Thiên có bốn cặp tượng Kim Cương trấn giữ.

Pho tượng đời Lý nổi tiếng nhất là tượng A Di Đà của chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh) cao 2m77 cả bộ, riêng tượng cao 1m87 thể hiện Đức Phật đang ngồi thuyết pháp trên tòa sen. Dáng ngồi của Phật thanh thoát, thư giãn. Đường cong chạy từ cổ dọc theo sống lưng cộng với khuôn mặt thoát tục gợi đến cái đẹp và sự dịu dàng phi giới tính. Toàn bức tượng cho ấn tượng về sự đốn ngộ cao siêu và tâm hồn tĩnh tại cũng rất thoát tục và lãng mạn. Khi phân tích tượng Phật A Di Đà chùa Phật Tích, Ngô Văn Doanh chỉ ra những đặc sắc của pho tượng: vẻ đẹp mang tính trang trí đường nét và cảm giác siêu thoát đến ngây ngất của nghệ thuật Trung Hoa thời Ngụy... đồng thời còn toát lên vẻ đẹp cơ thể mượt mà, cảm xúc trong sáng rõ ràng là lí tưởng hóa của tượng Phật Ấn Độ. Tác giả Trần Lâm Biền cho rằng dưới triều Lý, Đức Phật A Di Đà mới chỉ dè dặt bước vào thân điện của người Việt. Sang thời Trần, việc thờ Phật A Di Đà có mạnh hơn. Nhiều tượng linh diệu (Garuda), người có cánh đánh trống (Kinrari) mang phong cách nghệ thuật Champa, rồng nằm dài theo bậc thềm, tượng người, voi, ngựa, v.v... Những hình trang trí trên mặt đá của chùa Chương Sơn (Hà Nam) có bố cục, dáng điệu và hình thể gần với điêu khắc Chăm, nhưng cách biểu hiện khuôn mặt lại thuần Việt, những khuôn mặt vũ nữ không tròn bầu, xa xăm và có phần vô cảm như những khuôn mặt Chăm mà linh động và tươi trẻ.

Điêu khắc thời Lý - Trần độc đáo, tinh tế chủ yếu trên gốm và trên đá. Đề tài thường là thiên nhiên như mây, nước, hoa sen, hoa cúc và đặc biệt là hình

tượng rồng với nhiều nếp cong mềm mại tượng trưng cho nguồn nước, niềm mơ ước cho người dân trồng lúa. Trên nhiều mặt phẳng của kiến trúc và của bộ tượng người xưa thường chạm hoa lá theo từng băng dài, phân lớp là cúc sen đan xen. Dây hoa với những lá nhỏ tỏa về hai bên là chung cho cả hai thứ hoa, uốn lượn, bao lấy từng bông hoa tròn. Hoa được cách điệu nhưng có thể nhận ra sen và cúc, có khi chỉ là hoa cúc nhưng nhìn góc độ khác nhau, đều lớn như nhau. Hai loại hoa này đại diện cho tính chất thanh cao (sen) và ẩn sĩ (cúc). Cúc tượng trưng cho Mặt Trời để đôi rồng châu vào, biểu hiện của khí dương. Sen ở nước, cả trong Phật thoại và triết lí dân gian đều xem là dấu hiệu yếu tố âm, gợi hình Mặt Trăng. Hình chạm hai thứ hoa này đan xen nhau biểu hiện sự hòa hợp âm dương tạo phúc cho cuộc sống cả xã hội, và do đó gắn với cuống hoa thường có hình người rất nhỏ, sống động.

Mô típ rồng triều Lý đã xuất hiện trên nhiều loại trang trí bố cục hình tròn, hình cánh sen, hình lá đề, hình chữ nhật. Dù ở đâu, trong không gian nào, rồng cũng luôn có tư thế và cấu trúc giống nhau. Phong cách thời Lý, về đề tài liên quan đến rồng và bố cục hình trang trí rồng được các đời sau học theo và giữ gìn. Hình rồng thời Trần có thân hình mập mạp, uốn khúc mạnh mẽ hơn rồng thời Lý. Rồng thời Trần lượn khá thoải mái với động tác dứt khoát, mạnh mẽ. Thân rồng thường mập chắc, tư thế vươn về phía trước. Cách thể hiện rồng không chịu những quy định khắt khe như thời Lý. Hình rồng được chạm nổi trên bia và bệ đá, cả trên gạch rất nhiều, nhưng đã có nhiều tượng rồng được làm thành những cặp thành bậc cửa ở một số chùa và trước cung điện. Những cặp tượng rồng này

hoàn toàn đúng nghĩa là tác phẩm tạo hình trong không gian ba chiều, vượt qua tính chất trang trí cho một vật phẩm khác như đế bia thời Lý, là tác phẩm điêu khắc độc lập, tự thân tồn tại.

Qua so sánh hình tượng rồng trong điêu khắc ở hai thời đại ta thấy nghệ thuật điêu khắc thời Trần là sự nối tiếp thời Lý nhưng cách tạo hình hiện thực khoáng đạt, khỏe khoắn hơn. Yếu tố tạo nên nét đặc trưng đó là chất vị tha Phật giáo, cái lãng mạn, cái triết lí đã thấm sâu vào thời đại, từ nhà vua cho đến thứ dân, cả nhà sư và người nghệ sĩ, là sự giao lưu văn hóa rộng rãi, là tinh thần thượng võ được phát huy mạnh mẽ qua các cuộc chiến.

Điêu khắc cũng như trang trí luôn gắn với công trình kiến trúc. Những công trình điêu khắc thể hiện tại cung điện, chùa chiền, dinh thự các quan lại, lăng mộ vua chúa làm tôn thêm vẻ đẹp cho các công trình kiến trúc. Điêu khắc thời Trần được đánh giá là có bước tiến bộ, tinh xảo hơn so với thời Lý, trong đó có một số phù điêu khắc hình nhạc công biểu diễn mang phong cách Chiêm Thành. Nhiều bức chạm có chủ đề và bố cục độc lập được coi như tác phẩm hoàn chỉnh như: cảnh *Dâng hoa - Tấu nhạc* (chùa Thái Lạc, Hưng Yên) được biến từ hình Kinnara tượng sang dạng phù điêu, tạo dáng chạm khắc đang bay hai tay dâng bình hương. *Vũ nữ múa* (bệ đá chùa Hoa Long, Thanh Hóa) được bố cục trong những ô vuông, v.v...

Theo thời gian, nhiều khu vực bị hư hỏng nặng, với ý thức và lòng tự hào dân

tộc các di tích đang dần được quan tâm khôi phục đúng tầm cỡ để bảo tồn, phát huy kho tàng di sản văn hóa quý báu của dân tộc và góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau, thu hút du khách bốn phương. Ngày nay, nghệ thuật điêu khắc, đắp vẽ tượng Phật đã phát triển đến mức hoàn mĩ. Nghệ thuật truyền thống kết hợp với kĩ thuật và thẩm mĩ Tây Phương, như kĩ hà học, lập thể, v.v... làm cho nghệ thuật điêu khắc, phù điêu, đắp tạo tượng Phật ngày càng tinh xảo và hiện đại. Nhưng giá trị cổ điển vẫn là giá trị văn hóa, giúp chúng ta hiểu rõ được nhận thức và tâm hồn dân tộc qua nhiều thời đại khác nhau.

Phật giáo Việt Nam đã và đang góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, nuôi dưỡng tâm hồn và sức sống của người Việt Nam, xây dựng lối ứng xử văn hóa trong quan hệ với nhân loại, với môi trường tự nhiên cho bao thế hệ, tạo nên vẻ đẹp và bản sắc của văn hóa. Không phải ngẫu nhiên mà Phật giáo mau chóng hòa nhập với nền văn hóa bản địa, với tinh thần dân tộc một cách thấm thiết, phát triển mạnh mẽ tạo nên một hệ thống giá trị văn hóa vật chất và tinh thần như ngày hôm nay. Qua nghệ thuật Phật giáo thời đại Lý - Trần ta thấy nghệ thuật Phật giáo đã trở thành một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong nền văn hóa nghệ thuật dân tộc. Bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam nhờ vậy đã thấm sâu trong đời sống hằng ngày của người dân Việt Nam, trong văn hóa Việt Nam./